

Số: **169** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **31** tháng **5** năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần xây dựng Việt An và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 26/3/2023.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần xây dựng Việt An

Mã số thuế: **2901063400**

Địa chỉ: Số 23, ngõ 2, đường Phan Công Tích, P. Hưng Dũng, TP. Vinh, Nghệ An

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng

Địa chỉ: Số 23, ngõ 2, đường Phan Công Tích, P. Hưng Dũng, TP. Vinh, Nghệ An

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

3. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 920

4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế cho Giấy chứng nhận số 599/GCN-BXD cấp ngày 31/8/2018./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần xây dựng Việt An;
- SXD Nghệ An;
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 920

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 169 /GCN-BXD, ngày 31 tháng 5 năm 2023

của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	XI MĂNG	
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 4030:2003
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4.	Xác định giới hạn bền nén, phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982
5.	Xác định độ nở Sunfat của xi măng	TCVN 6068:2004
6.	Độ ổn định thể tích, xác định theo phương pháp Le Chatelier	TCVN 6017: 2015
7.	Xác định hàm lượng mất khí nung	TCVN 141:2008
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
1.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
2.	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
3.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
4.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022
5.	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022
6.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
7.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
8.	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
9.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022
10.	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
11.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
12.	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
13.	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:2022
14.	Đánh giá cường độ bê tông trên kết cấu công trình	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020
III	CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
1.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2006
2.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
3.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
4.	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29:09
5.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006
6.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
7.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
8.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
9.	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
10.	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
11.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
12.	Xác định khả năng phản ứng kiềm silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006
13.	Hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006
14.	Xác định hàm lượng sunfat và sunfit cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006
15.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:2006
16.	Xác định hàm lượng bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
17.	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006
18.	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006
19.	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91

20.	Xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012
IV	ĐẤT, ĐÁ TRONG PHÒNG	
1.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
2.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
3.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
4.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4196:2012
5.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4196:2012
6.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4196:2012
7.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm và độ chặt đất, đá dăm	TCVN 4201:2012; 22TCN 333:2006
8.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012
9.	Thí nghiệm sức chịu tải (CBR) của đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06
10.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01; BS 1377:90
11.	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
12.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
13.	Xác định đặc trưng lún ướt	TCVM 8722:2012.
14.	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012 TCVN 8726:2012
15.	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
16.	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012
17.	Xác định hàm lượng muối trong đất	TCVN 8727:2012
V	KIM LOẠI VÀ MÔI HÀN	
1.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 TCVN 10952: 2015; TCVN 11243:2016
2.	Thử uốn	TCVN 198:2008 TCVN 6287:1997
3.	Thép cốt bê tông - Phương pháp uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
4.	Môi hàn kim loại - Phương pháp thử kéo	TCVN 5403:2011
5.	Kiểm tra chất lượng môi hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010
6.	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010
7.	Thử phá hủy môi hàn kim loại - Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
8.	Thử phá hủy môi hàn kim loại - Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
9.	Kiểm tra không phá hủy môi hàn, phương pháp siêu âm	TCVN 6735:2018 TCVN 1548:1987
10.	Kiểm tra không phá hủy môi hàn, phương pháp hạt từ	TCVN 4396:2018
11.	Kiểm tra không phá hủy môi hàn, phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617:2018
12.	Vật liệu kim loại – thử độ cứng Brinell	TCVN 256:2006
13.	Vật liệu kim loại – thử độ cứng Rockwell	TCVN 257:2007
14.	Cáp dự ứng lực - Thử kéo	ASTM A370
15.	Thử kéo đồng bộ thép thanh, cáp dự ứng lực, nêm, neo	TCVN 11243:2016
16.	Thử kéo bu lông neo, tải trọng phá hoại của bu lông, vít, vít cây, đai ốc	TCVN 1916:1995
17.	Thử nghiệm hệ số xiết của bu lông	JIS B1186:1995
18.	Phương pháp từ đo chiều dày lớp phủ không từ trên chất nền từ	TCVN 5878:2007
19.	Thử kéo mối nối ống ren thép cốt bê tông	TCVN 8163:2009
VI	RỌ ĐÁ, THẨM ĐÁ	
1.	Kích thước dây, chiều dày vỏ bọc, kích thước mắt lưới, khối lượng lớp phủ mạ kẽm	AASHTO T65M/T65; BS 1052; BS EN 10244-2; ASTM A90A-90M
2.	Đường kính dây viền mạ kẽm và dây đan mạ kẽm	ASTM A 641; BS 1052-80
3.	Trọng lượng riêng của lớp vỏ bọc dây đai	ASTM D972-08
VII	HIỆN TRƯỜNG	

1.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao vòng	TCVN 12791:2020
2.	Xác định độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; 22TCN 346:2006
3.	Xác định mô đun đàn hồi “E” của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
4.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
5.	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
6.	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Ben kelman	TCVN 8867:2011
7.	Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
8.	Bê tông nặng – Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
9.	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
10.	Phương pháp không phá hủy đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012
11.	Xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
12.	Xác định cường độ bê tông trên mẫu khoan từ cấu kiện	ASTM C42; EN 13791
13.	Xác định cường độ kéo nhỏ, khả năng bám dính của thép cây, bulông neo với bê tông	TCVN 9490:2012
14.	Lớp phủ mặt kết cấu – phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012
15.	Thử nghiệm CBR ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
16.	Thí nghiệm cắt cánh tại hiện trường (FVT)	22TCN 355:2006
17.	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951
18.	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
19.	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:2012
20.	Quan trắc công trình xây dựng	TCVN 9360:2012; TCVN 9399:2012 TCVN 9400:2012; TCVN 8215:2009
21.	Đo lún công trình	TCVN 9369:2012
22.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
23.	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
24.	Thử nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012
25.	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:2012
26.	Thử nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN 11321: 2016
27.	Sản phẩm bó vữa bê tông đúc sẵn: xác định kích thước và mức sai lệch cho phép; ngoại quan và khuyết tật cho phép; khả năng chịu tải	TCVN 10797:2015
28.	Gối công bê tông đúc sẵn: xác định kích thước và mức sai lệch cho phép; ngoại quan và khuyết tật cho phép; khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015
29.	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn – Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
30.	Cống bê tông cốt thép thoát nước: kiểm tra khuyết tật ngoại quan, kích thước và độ vuông góc; khả năng chịu tải và độ thấm nước	TCVN 9113:2012; TCVN 9116:2012
31.	Thử nghiệm khả năng chịu tải của nắp hố ga, song chắn rác	TCVN 10333-3:2014
VIII	BENTONITE	
1.	Xác định: khối lượng riêng; độ ổn định; độ nhớt pH; độ pH; lực cắt tĩnh; hàm lượng cát; độ dày áo sét; lượng tách nước; tỷ lệ chất keo	TCVN 9395:2012 TCVN 11893:2017
IX	VỮA XÂY DỰNG	
1.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
2.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
3.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
4.	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
5.	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022

6.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
7.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
8.	Thử nghiệm độ chảy của vữa tươi bằng dụng cụ côn chảy	ASTM C939
X	PHỤ GIA HÓA CHO BÊ TÔNG	
1.	Lượng nước trộn tối đa; thời gian đông kết; cường độ nén so với mẫu đối chứng	TCVN 8826:2011
XI	NƯỚC XÂY DỰNG	
1.	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988
2.	Xác định độ Ph	TCVN 6492:2011
3.	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996
4.	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996
5.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ (chỉ số Permanganate)	TCVN 6186:1996
6.	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196:2000
7.	Màu sắc; vẩn mờ	TCVN 4506:2012
XII	BÊ TÔNG NHỰA	
1.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
2.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
3.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
4.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
5.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
6.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
7.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
8.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
9.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
10.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
11.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
12.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
13.	Xác định cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862:2011
14.	Hỗn hợp BTN nóng- thiết kế theo phương pháp MarShall	TCVN 8820:2011
XIII	BITUM	
1.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
3.	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
4.	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011
5.	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
6.	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2005
7.	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
8.	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005
9.	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005
10.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
XIV	NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
11.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
12.	Thí nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4:2011
13.	Xác định độ nhớt tuyệt đối	TCVN 8818-5:2011
14.	Xác định độ đàn hồi; độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	22TCN 319:2004
XV	NHỰ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG	
1.	Xác định độ nhớt Saybolt Furl	TCVN 8817-2:2011
2.	Xác định độ lắng và ổn định lưu trữ trong 24h	TCVN 8817-3:2011
3.	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011
4.	Xác định diện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
5.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011

6.	Xác định hàm lượng hạt lớn hơn 1,4mm, thí nghiệm trộn xi măng	TCVN 8817-7:2011
7.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
8.	Xác định hàm lượng dầu	TCVN 8817-9:2011
9.	Xác định hàm lượng nhựa	TCVN 8817-10:2011
10.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
11.	Xác định bám dính tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XVI	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
1.	Xác định: hình dáng bề ngoài; thành phần hạt; lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng của bột khoáng chất; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước; khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
XVII	GẠCH, NGÓI	
1.	Gạch xây đất sét nung: xác định ngoại quan, cường độ bền nén, cường độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ rỗng, vết tróc do vôi, sự thoát muối	TCVN 6355-1÷8:2009
2.	Gạch bê tông: xác định Kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan; cường độ bền nén; độ rỗng; độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
3.	Gạch bê tông tự chèn: xác định Kích thước và mức khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, độ chịu mài mòn	TCVN 6476:2011
4.	Gạch Tezaro: kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước bề mặt; Xác định độ mài mòn sâu; Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744:2013
5.	Gạch lát xi măng, granito: xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ hút nước; lực va đập xung kích; tải trọng uốn gãy toàn viên; độ cứng lớp mặt; độ mài mòn	TCVN 6065:1995, TCVN 6074:1995
6.	Xác định tải trọng uốn gãy; độ hút nước; thời gian xuyên nước; khối lượng 1m ² ngói bão hòa nước; kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 4313:1995
XVIII	TĂM AMIANG XI MĂNG	
1.	Kiểm tra ngoại quan và kích thước; xác định thời gian xuyên nước; tải trọng uốn gãy; khối lượng thể tích	TCVN 4435:2000
XIX	GẠCH ỐP LÁT, ĐÁ ỐP LÁT	
1.	Xác định kích thước và hình dáng, độ cong vênh	TCVN 6415-2:2016
2.	Xác định độ hút nước và độ xốp biểu kiến	TCVN 6415-3:2016
3.	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
4.	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
5.	Thử nghiệm đá ốp lát tự nhiên: xác định sai lệch kích thước, hình dạng; chất lượng bề mặt; độ hút nước và khối lượng thể tích; độ bền uốn; độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
6.	Thử nghiệm đá ốp lát nhân tạo: xác định sai lệch kích thước, hình dạng; chất lượng bề mặt; độ hút nước; độ bền uốn; độ mài mòn sâu; độ cứng vạch bề mặt, tính theo thang Mohs	TCVN 8057:2009
XX	VÁI ĐỊA KỸ THUẬT	
1.	Xác định: lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật; lực xé rách hình thang; lực xuyên thủng CBR; lực kháng xuyên thủng thanh; áp lực kháng bụi; kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-(1-:-6):2011
XXI	TĂM VÀ KHUNG XƯƠNG TRẦN THẠCH CAO, BỘT BÀ TƯỜNG	
1.	Xác định: kích thước, độ sâu gờ vuốt thon; độ cứng gờ, lõi cạnh; cường độ chịu uốn; độ kháng nhỏ đinh; độ biến dạng ẩm; độ hút nước; độ hấp thụ nước bề mặt; độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257-(1÷8):2009
2.	Xác định kích thước độ vuông góc, độ thẳng cạnh, thử tải khung trần treo	ASTM C635:13
3.	Bột bả tường gốc xi măng Poóc lăng: xác định: độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 7239:2014

XXII	SON NỘI, NGOẠI THẤT	
1.	Xác định độ bền nước; độ bền kiềm; độ bền rửa trôi; độ bền chu kỳ nóng lạnh của màng sơn	TCVN 8653-2-:-5 :2012
XXIII	SON PHẢN QUANG, SON KẼ ĐƯỜNG NHIỆT ĐẸO	
1.	Phương pháp xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012
2.	Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
3.	Phương pháp xác định màu sắc	ASTM D 6628
4.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8791:2011
5.	Xác định độ chịu dầu, muối, nước và kiềm	TCVN 8787:2011
XXIV	ỐNG NHỰA PVC, HDPE	
1.	Kiểm tra kích thước	TCVN 6145:2007 ISO 3126: 2005
2.	Độ bền va đập	TCVN 6144:2003
3.	Kích thước, độ cứng, độ bền hóa chất ống nhựa gân xoắn	TCVN 9070:2012
4.	Xác định sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148: 2007
5.	Xác định độ bền áp suất	TCVN 6149:2009; ISO 1167:2007
6.	Thử độ kín bằng áp lực	TCVN 6040:1995
XXV	GỖ NHÂN TẠO MDF	
1.	Xác định kích thước, độ vuông góc và thẳng cạnh, xác định độ ẩm, xác định khối lượng thể tích, xác định độ trương nở chiều dày khi ngâm trong nước	TCVN 7756:2012

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

D
Ú
N
G